|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC THUẾ**CỤC THUẾ TP HỒ CHÍ MINH-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: 6110/CT-TTHT*V/v: chính sách thuế* | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2019* |

**Kính gửi:** Công ty TNHH Seika Sangyo Việt Nam
Địa chỉ: Phòng 03, Tầng 34, Bitexco Financial Tower, Số 2 đường Hải Triều, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Mã số thuế: 0315453765

Trả lời văn bản số 01/2019-CT không ghi ngày (Cục Thuế nhận ngày 12/3/2019) của Công ty về chính sách thuế; Cục Thuế Thành phố có ý kiến như sau:

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội quy định về hoạt động thương mại:

+ Tại Khoản 6 Điều 3 quy định về giải thích từ ngữ:

“Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam là đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài, được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam để tìm hiểu thị trường và thực hiện một số hoạt động xúc tiến thương mại mà pháp luật Việt Nam cho phép.”

+ Tại Khoản 2 Điều 17 quy định quyền của Văn phòng đại diện:

“Thuê trụ sở, thuê, mua các phương tiện, vật dụng cần thiết cho hoạt động của Văn phòng đại diện.”

+ Tại Điều 18 quy định nghĩa vụ của Văn phòng đại diện:

“1. Không được thực hiện hoạt động sinh lợi trực tiếp tại Việt Nam.

... 3. Không được giao kết hợp đồng, sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã giao kết của thương nhân nước ngoài, trừ trường hợp Trưởng Văn phòng đại diện có giấy ủy quyền hợp pháp của thương nhân nước ngoài hoặc các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 17 của Luật này.

…”

Căn cứ Thông tư số [219/2013/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-219-2013-tt-btc-huong-dan-luat-thue-gia-tri-gia-tang-va-nghi-dinh-209-2013-nd-cp-220761.aspx) ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng (GTGT):

+ Tại Điều 3 quy định người nộp thuế:

“Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu)…”

+ Tại Khoản 3 Điều 5 quy định các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT:

“Tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế GTGT bán tài sản.

…”

Căn cứ Thông tư số [78/2014/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/thong-tu-78-2014-tt-btc-huong-dan-218-2013-nd-cp-thi-hanh-luat-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-236976.aspx) ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN),

+ Tại Khoản 1 Điều 2 quy định về người nộp thuế:

“Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi là doanh nghiệp)...”

+ Tại Điều 6 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số [96/2015/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/thong-tu-96-2015-tt-btc-huong-dan-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-tai-nghi-dinh-12-2015-nd-cp-279331.aspx) ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính) quy định các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

…”

Căn cứ Thông tư số [39/2014/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-39-2014-tt-btc-huong-dan-51-2010-nd-cp-04-2014-nd-cp-hoa-don-ban-hang-hoa-dich-vu-229190.aspx) ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, tại Khoản 1 Điều 13 quy định về cấp hóa đơn do Cục Thuế đặt in:

“Cơ quan thuế cấp hóa đơn cho các tổ chức không phải là doanh nghiệp, hộ và cá nhân không kinh doanh nhưng có phát sinh hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cần có hóa đơn để giao cho khách hàng.

Trường hợp tổ chức không phải là doanh nghiệp, hộ và cá nhân không kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc thuộc trường hợp không phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng thì cơ quan thuế không cấp hóa đơn.”

Căn cứ Công văn số 5245/TCT-CS ngày 20/12/2018 của Tổng cục Thuế về việc xuất hóa đơn, tính thuế (bản chụp đính kèm),

Trường hợp Công ty theo trình bày, có phát sinh hoạt động mua tài sản thanh lý của Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (tài sản thanh lý là hàng hóa đã mua để phục vụ cho hoạt động của văn phòng đại diện), văn phòng đại diện không xuất hóa đơn khi bán thanh lý tài sản do không thuộc trường hợp cơ quan thuế cấp hóa đơn lẻ thì Công ty căn cứ các hồ sơ, chứng từ theo quy định như hợp đồng mua bán tài sản, biên bản giao nhận tài sản, chứng từ thanh toán,... để ghi nhận chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Cục Thuế Thành phố thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- P. Pháp chế;- P. Kiểm tra 2;- Lưu VT; TTHT.409-CST-tran trang | **KT. CỤC TRƯỞNGPHÓ CỤC TRƯỞNGNguyễn Nam Bình** |